

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 -10 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Thạch Khêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18/7/2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 26/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ Q, sinh năm 1993, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Khóm O, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Bé S, sinh năm 1987, vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Q trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012, chị và anh Trần Văn Bé S xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 17/10/2012. Vợ chồng chị có 02 đứa con chung tên Trần Lê Bảo

N, sinh ngày 17/8/2013 và Trần Lê Khả M, sinh ngày 16/9/2015, hiện nay các con chung đang sống chung với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Khi cưới xong chị và anh S sống chung bên gia đình chồng, trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có cùng quan điểm, tính tình không hợp nhau, đã sống chung nhiều năm nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh S đi làm về không có đem tiền về để phụ giúp chị cùng nhau lo cho các con, hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh S thường xuyên đi uống rượu, mỗi lần đi nhậu về là đánh đập chị rất nhiều lần, mỗi tháng đánh chị khoảng 03 đến 04 lần, thường đánh vào đầu và cổ của chị. Tình cảm vợ chồng chị đã rạn nứt, chị với anh S không thể nào tiếp tục sống chung được nữa, nếu có tiếp tục sống chung cũng không còn hạnh phúc. Từ tháng 6/2018 chị và anh S sống ly thân cho đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị Mỹ Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Bé S.
- Về con chung: Chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Trần Lê Khả M, sinh ngày 16/9/2015 và Trần Lê Bảo N, sinh ngày 17/8/2013, chị Q không yêu cầu anh Trần Văn Bé S có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Q có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Q đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân (Bản phô tô); 01 (Một) sổ hộ khẩu (Bản phô tô); 02 (Hai) giấy khai sinh (Bản sao); 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, quyền số 01, ngày 17/10/2012 (Bản chính).

Đối với bị đơn anh Trần Văn Bé S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập họp lệ cho anh Bé S nhưng anh Bé S không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Bé S được và anh Bé S cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tổng đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Bé S không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Vắng mặt khi Tòa án triệu tập).

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ Q và anh Trần Văn Bé S đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh Bé S. Về con chung: Trần Lê Khả M, sinh ngày 16/9/2015 và Trần Lê Bảo N, sinh ngày 17/8/2013, từ khi sống ly thân cho đến nay con chung do chị Q nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, do chị Q không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí buộc chị Lê Thị Mỹ Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Q có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định; Bị đơn anh Trần Văn Bé S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Thị Mỹ Q, anh Trần Văn Bé S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ Q và Trần Văn Bé S kết hôn với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 17/10/2012 theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị Q xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q xác định giữa chị và anh Bé S không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh S đã sống ly thân gần 04 tháng nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong khoảng thời gian sống ly thân cũng không ai tìm đến ai, anh Bé S cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án với chị Q về việc chị Q xin ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Bé S đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Lê Thị Mỹ Q được ly hôn với anh Trần Văn Bé S.

[3] Về con chung: Xét thấy, trong thời gian sống ly thân thì 02 con chung tên Trần Lê Khả M, sinh ngày 16/9/2015 và Trần Lê Bảo N, sinh ngày 17/8/2013 do chị Lê Thị Mỹ Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Q vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con tốt. Chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, anh Bé S không có ý kiến. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung và để tránh gây xáo trộn sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Mỹ Q được tiếp tục chăm sóc,

nuôi dưỡng các con chung. Chị Lê Thị Mỹ Q không yêu cầu anh Trần Văn Bé S phải cấp dưỡng nuôi các con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ Q khai chị và anh Trần Văn Bé S không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Trần Văn Bé S để biết ý kiến của anh S như thế nào về tài sản chung và anh S có tranh chấp về tài sản chung với chị Q hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Trần Văn Bé S có tranh chấp về tài sản chung với chị Q thì anh Trần Văn Bé S được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Lê Thị Mỹ Q.

[5] Về nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ Q; Cho chị Lê Thị Mỹ Q được ly hôn với anh Trần Văn Bé S.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ Q được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Lê Khả M, sinh ngày 16/9/2015 và Trần Lê Bảo N, sinh ngày 17/8/2013. Anh Trần Văn Bé S không phải cấp dưỡng nuôi các con chung vì chị Lê Thị Mỹ Q không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ Q khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Trần Văn Bé S có tranh chấp về tài sản thì anh Trần Văn Bé S được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Lê Thị Mỹ Q.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019005, ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Lê Thị Mỹ Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Văn Bé S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ Q, anh Trần Văn Bé S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh